

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 172/TTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 5 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định nội dung chi, mức chi từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. Trường hợp đề xuất thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này thì đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án, kế hoạch và dự toán theo quy định tại Nghị quyết này và trong phạm vi dự toán được giao.

b) Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Đức Tuy

QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/2026/NQ-HĐND
ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Nguyên tắc và nguồn kinh phí thực hiện

1. Bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và nội dung khuyến nông; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, gắn với quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN VÀ ĐÀO TẠO

Điều 4. Chi hỗ trợ cho giảng viên, báo cáo viên

1. Mức chi tiền công cho giảng viên, báo cáo viên thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chi hỗ trợ tiền đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên thực hiện theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 5. Chi hỗ trợ cho việc tổ chức lớp học

1. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học (nếu có):

mức chi được thực hiện theo chứng từ, hóa đơn thực tế hoặc thực hiện theo hình thức hợp đồng.

2. Chi giải khát giữa giờ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Chương III Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND.

Điều 6. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học tập trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ

1. Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc hộ nghèo
 - a) Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo);
 - b) Hỗ trợ tiền ăn 150.000 đồng/người/ngày đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
 - c) Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở cách nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khó khăn (xã khu vực II) hoặc xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III), xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền, mức hỗ trợ là 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên;
 - d) Hỗ trợ 100% tiền thuê chỗ ở cho người học ở cách xa nơi cư trú từ 25 km trở lên nhưng không quá 300.000 đồng/người/ngày đối với lớp học tổ chức tại thôn đặc biệt khó khăn, xã khó khăn (xã khu vực II), xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) và đặc khu; không quá 400.000 đồng/người/ngày đối với lớp học tổ chức tại các xã, phường còn lại trong tỉnh.

2. Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 50% tiền ăn, tiền đi lại, lưu trú theo mức quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) theo mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 7. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học tập trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đối tượng chuyển giao công nghệ

1. Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học tập (không bao gồm tài liệu tham khảo).
2. Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học tập và tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở theo mức quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

Chương III
NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN,
XÂY DỰNG VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH, CHI CÁC NỘI DUNG KHÁC
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 8. Nội dung chi, mức chi thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip,...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mức chi thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Biên tập do đơn vị lập dự toán ban hành.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập

a) Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND;

b) Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông vùng: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm phát triển ngoại thương của tỉnh Quảng Ngãi.

5. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 9. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và thực tế phát sinh nhưng không vượt dự toán quy định;

b) Chi hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 của Quy định này; chi hỗ trợ tiền nước theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này;

c) Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

3. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

4. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày (x) nhân với số ngày thực tế thuê.

Điều 10. Chi tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Chương II của Quy định này.

2. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

3. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 11. Chi hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 12. Các nội dung chi khác liên quan đến hoạt động khuyến nông

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Mức chi áp dụng theo Thông tư số 04/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ Quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chi quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có) theo định mức, chế độ tài chính hiện hành;

- Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông. Các đơn vị căn cứ quy định của cơ quan có thẩm quyền để quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thành các yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, nội dung công việc và các mức chi cụ thể theo công lao động cho các thành viên tham gia hội đồng;

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.